TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HS-ST
Ngày: 16 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Tuấn Dũng

2. Bà Đặng Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 44/2023/TLST-HS, ngày 11 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 8 năm 2023 bằng hình thức trực tuyến, trong đó điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, 01 điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 2002. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu S (đã chết) và con bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0005199/QĐ-XPHC, ngày 17/02/2023 của Công an thành phố P xử phạt Nguyễn Hữu T 6.500.000đ về hành vi "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ người khác, nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự", đến nay chưa thi hành.

+ Nhân thân:

- Tại bản án số 52/HSST ngày 25/4/2019 bị TAND thị xã Phổ Yên , tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ , về tội "Buôn bán hàng cấm".

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0004113 ngày 14/10/2020 của Công an thị xã P xử phạt Nguyễn Hữu T 1.500.000 đồng về hành vi "đánh bạc trái phép bằng hình thức 3 cây". Đã nộp phạt ngày 23/10/2020.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, (có mặt tại điểm cầu trại tạm giam).

2. Đặng Văn K, sinh năm 1992, tại Thái Nguyên. Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn M, sinh năm 1969 và con bà Trần Thị D, sinh năm 1967; Vợ: Bùi Thị H, sinh năm 1991 (đã ly hôn); Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014.

+ Tiền án, tiền sự: Không.

+ Nhân thân:

- Tại Bản án số 50/2009/HSST ngày 23/11/2009 bị Toà án nhân dân thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản.
- Tại Bản án số 10/2018/HSST ngày 18/01/2018 bị Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 05 tháng tù về tội Đánh bạc.
- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 83/QĐ-XPVPHC của Công an thị xã P ngày 15/6/2016, xử phạt Đặng Văn K 750.000 đồng về hành vi Đánh nhau. Đã nộp phạt ngày 27/6/2016.
- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25/QĐ-XPVPHC của Công an thị xã P ngày 06/02/2017, xử phạt Đặng Văn K 750.000 đồng về hành vi Đánh nhau. Đã nộp phạt ngày 07/02/2017.
- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0046796/QĐ-XPHC của Công an thị xã P ngày 08/9/2018, xử phạt Đặng Văn K 2.500.000 đồng về hành vi Xâm hại sức khoẻ người khác.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, (có mặt tại điểm cầu trại tạm giam).

* ***Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T do Đoàn Luật sư tỉnh T cử***: Luật sư Nguyễn Mạnh A, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T, (có mặt).

* ***Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn K do Đoàn Luật sư tỉnh T cử***: Luật sư Nguyễn Văn T2, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

* ***Người làm chứng:*** Anh Lê Văn H1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Trú tại: TDP T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

* ***Người chứng kiến***: Ông Trần Hoài T3, sinh năm 1970. (vắng mặt).

Trú tại: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

* ***Người tham gia tố tụng khác:*** Đồng chí Đặng Anh Đ - Cán bộ dẫn giải Trại tạm giam, Công an tỉnh T. (Có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ ngày 7/4/2023 Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T làm nhiệm vụ tại khu vực Tổ dân phố T, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên phát hiện trên xe taxi hãng Thái Nguyên biển kiểm soát 20A-492.16 đang dừng đỗ ở lề đường, có biểu hiện nghi liên quan đến ma túy. Tổ công tác yêu cầu kiểm tra trong xe gồm có Nguyễn Hữu T, sinh năm 2002, HKTT: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Lê Văn H1, sinh năm 1987, HKTT: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Là lái xe) và Đặng Văn K, sinh năm 1992, HKTT: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Tiến hành kiểm tra Nguyễn Hữu T, thu giữ tại túi quần bên trái Thao đang mặc 01 gói nilon màu trắng, bên trong chứa các cục chất tinh thể màu trắng T khai là ma túy Ketamine niêm phong ký hiệu T; Thu giữ tại túi quần bên phải của T đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu vàng, lắp sim số thuê bao: 0379.519.222 được niêm phong tại chỗ ký hiệu Đ1; Thu giữ Số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền Việt Nam tại túi quần sau bên phải T đang mặc. Kiểm tra Đặng Văn K, phát hiện thu giữ tại túi quần bên phải K đang mặc 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu vàng, được lắp một thẻ sim số thuê bao 0967.385.074 niêm phong tại chỗ ký hiệu Đ2. Kiểm tra đối với Lê Văn H1 và chiếc xe ô tô taxi biển kiểm soát 20A-492.16 không phát hiện thu giữ gì.

Cùng ngày khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Hữu T tại TDP T, phường Đ, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở của Đặng Văn K tại TDP Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên không phát hiện thu giữ gì.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số chất ma túy thu giữ của Nguyễn Hữu T, Đặng Văn K kết quả:

Bì niêm phong ký hiệu **T**: Cân toàn bộ các cục chất tinh thể màu trắng có khối lượng **102,2gam**. Lấy 2,65gam niêm phong ký hiệu G gửi giám định, còn lại 99,55gam niêm phong ký hiệu L lưu kho theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 583/KL-KTHS ngày 14/4/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

Cục tinh thể màu trắng trong bì ký hiệu G gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, có khối lượng thu giữ ban đầu là **102,2gam.**

Mở kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu vàng, lắp sim số thuê bao: 0379.519.222 thu giữ của Nguyễn Hữu T. Phần ứng dụng Z có cuộc gọi đến tài khoản Đăng Đăng theo T khai đây là tài khoản Zalo của Đặng Văn K, T liên hệ để mua ma túy với K.

Mở kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu vàng, được lắp một thẻ sim số thuê bao 0967.385.074 thu giữ của Đặng Văn K. Phần ứng dụng Z có cuộc gọi đến tài khoản Macao theo K khai đây là tài khoản Zalo của Nguyễn Hữu T.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 13 giờ ngày 07/4/2023 có người nữ giới tự giới thiệu tên là L, không biết họ, tên đệm và địa chỉ gọi điện thoại qua ứng dụng TELEGRAM đặt mua của Thao 100 gam ma túy tổng hợp Ketamine với giá thỏa thuận là 88.000.000đ (T4 mươi tám triệu đồng), T đồng ý và hẹn đến 14 giờ 30 gặp nhau tại đoạn đường dân sinh thuộc tổ dân phố T, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên để trao đổi mua bán ma túy. Sau đó T đã gọi điện thoại qua mạng xã hội ZALO cho Đặng Văn K hỏi mua 100 gam ma túy tổng hợp Ketamine để bán cho khách, K đồng ý, thỏa thuận giá bán Ketamine là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) và hẹn gặp nhau tại đoạn đường dân sinh thuộc tổ dân phố T, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên để giao ma túy cho T bán cho khách rồi trả tiền cho K. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày Thao đến điểm hẹn chờ và thấy K đi xe taxi đến và L cũng đến gặp T. Thao cùng L lên xe taxi ngồi ở hàng ghế sau, K ngồi ở ghế phía trước bên phải và đưa cho T một túi nilon chứa ma túy tổng hợp Ketamine và được T cất giấu túi quần bên trái rồi T trao đổi với L. Sau đó L xuống xe bỏ đi. Đúng lúc đó thì bị lực lượng công an kiểm tra nên T bỏ chạy một đoạn thì bị bắt, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu trên.

Đặng Văn K khai nhận: Hồi 13 giờ ngày 07/4/2023 Nguyễn Hữu T gọi điện thoại qua ứng dụng ZALO cho K hỏi mua 100gam ma túy tổng hợp Ketamine để T bán cho khách. K đồng ý, thỏa thuận giá bán Ketamine là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng) và hẹn đến 14 giờ 50 cùng ngày gặp nhau tại đoạn đường dân sinh thuộc tổ dân phố T, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên để mua bán ma túy. Sau đó K đến khu vực ngã ba Phố C thuộc phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên tìm mua Ketamine, tại đây K gặp một người nam giới khoảng 30 tuổi, tự

giới thiệu tên là H2, không biết họ, tên đệm và địa chỉ. Qua nói chuyện biết H2 có ma túy tổng hợp Ketamine nên K đã mua của H2 một túi nilon chứa Ketamine hết 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) rồi cất giấu tại túi quần, sau đó gọi xe taxi hãng T8 đến bảo chở tới đường dân sinh thuộc tổ dân phố T, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên nhưng không cho lái xe taxi (anh Lê Văn H1) biết việc K đi mua bán ma túy. Khi đến điểm hẹn thấy T và một người phụ nữ tự giới thiệu tên là L không rõ họ, tên đệm và địa chỉ, lên xe taxi ngồi ở hàng ghế sau. K đưa túi nilon màu trắng chứa Ketamine cho T cất giấu trong túi quần bên trái và trao đổi với L, sau đó L xuống xe bỏ đi thì bị lực lượng công an đến yêu cầu kiểm tra, T mở cửa bỏ chạy một đoạn thì bị bắt, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu trên. Ngoài ra còn thu giữ của T một điện thoại di động và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền Việt Nam và thu giữ của K một điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu vàng, số thuê bao: 0967.385.074, kiểm tra đối với Lê Văn H1 - lái xe taxi và chiếc xe taxi nhưng không phát hiện thu giữ gì.

* Vật chứng của vụ án: Bì niêm phong ký hiệu L bên trong chứa 99,55 gam Ketamine và vỏ túi nilon; Bì niêm phong ký hiệu G chứa 2,4666 gam mẫu còn lại sau giám định và vỏ bao gói; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, số thuê bao 0379519222 tạm giữ của Nguyễn Hữu T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, số thuê bao 0967385074 tạm giữ của Đặng Văn K; số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Hữu T.

Bản cáo trạng số 54/CT-VKS-P1, ngày 06/7/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đặng Văn K về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và các chứng cứ khác đã thu thập được. Đối với 02 chiếc điện thoại di động bị thu giữ, các bị cáo khai nhận đã sử dụng để liên hệ mua bán ma tuý với nhau. Số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu T không liên quan đến hành vi mua bán ma tuý.

Phần luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T và Đặng Văn K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 15 năm đến 16 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo T từ 5 triệu đến 7 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn K 15 năm đến 16 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo K từ 5 triệu đến 7 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy và vỏ túi nilon theo quy định. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo T và 01 điện thoại di động của bị cáo K. Tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo T.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Hữu T và Đặng Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T xác định: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo, bị cáo tuổi đời còn trẻ, còn ham chơi, không có việc làm ổn định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp nhất, xem xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo vì hoàn cảnh bị cáo khó khăn, để bị cáo yên tâm cải tạo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Văn K xác định: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ xử phạt bị cáo mức án đầu khung hình phạt và miễn, giảm một phần hình phạt bổ sung, vì bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình không có tài sản, thu nhập.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của các Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Hữu T và Đặng Văn K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do hám lời, ngày 07/4/2023 Đặng Văn K đến ngã ba Phố C thuộc phường P, TP S, tỉnh Thái Nguyên mua của người nam giới tên H2 không rõ tên, địa chỉ 102,2 gam ma túy, loại Ketamine với số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng) rồi cất giấu trong người. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 07/4/2023 K mang theo số ma túy này để đem bán cho Nguyễn Hữu T đã đặt mua với K trước đó, khi K vừa đưa cho T, T cất giấu ma túy vào túi quần bên phải thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T và Đặng Văn K về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma tuý, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

……

e, Các chất ma tuý khác ở thể rắn có khối lượng từ 100 gam đến dưới 300 gam;"

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người, làm nguy cơ gia tăng các loại tội phạm khác, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo Nguyễn Hữu T và Đặng Văn K đều có nhân thân xấu, bị cáo T có 01 tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét lời đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định về hình phạt tù và hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Vật chứng vụ án:

- Số ma túy thu giữ của các bị cáo và các túi nilon được niêm phong ký hiệu L, G cần tịch thu tiêu hủy theo đúng quy định.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của bị cáo T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của bị cáo K xác định các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, vì vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến việc mua bán ma tuý cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy cần phạt bổ sung một khoản tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự để sung quỹ nhà nước.

[7] Về nguồn gốc số ma túy, K khai mua ma túy của người nam giới tên H2 không biết rõ nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ. T khai nhận mua số ma tuý của Đặng Văn K bán cho đối tượng là nữ giới tự giới thiệu tên là L, không biết họ, tên đệm và địa chỉ, do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để tiếp tục xác minh làm rõ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu T và Đặng Văn K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm e khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 15 (Mười lăm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2023.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn K 15 (Mười lăm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/4/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, phạt các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đặng Văn K mỗi bị cáo 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 (Một) bì niêm phong ký hiệu L có chữ ký của Tống Văn H3, Đặng Văn K, Trần Hoài T3, Nguyễn Hữu T, Đỗ Quang C, Hoàng Chí H4, Hoàng Ngọc N, Lê Văn H1 và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 99,55 gam tinh thể màu trắng nghi là ma tuý ketamine. Vật chứng thu giữ trong vụ NGUYỄN HỮU T5 và ĐẶNG VĂN K.

- 01 (Một) bì niêm phong kí hiệu G có chữ ký của Nguyễn Trần T6, Trần Đức T7 và hình dấu tròn của Phòng K1 Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: Hoàn trả 2,466 gam mẫu G còn lại sau giám định và vỏ bao gói;

* Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 (Một) bì niêm phong kí hiệu Đ3, có chữ ký của Nguyễn Đức S1, Trần Hoài T3, Nguyễn Hữu T, Phạm Tống G, Lê Văn H1, Hoàng Chí H4 và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: 01 (Một) điện thoại Iphone, vỏ màu vàng, số IC: 579C-E2944A, số thuê bao: 0379519222, tạm giữ của Nguyễn Hữu T;

- 01 (Một) hộp niêm phong ký hiệu Đ4, có chữ ký của Nguyễn Đức S1, Trần Hoài T3, Đặng Văn K, Phạm Tống G, Lê Văn H1, Hoàng Chí H4 và hình dấu tròn của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thái Nguyên, bên ngoài ghi: 01 (Một) điện thoại Iphone, vỏ màu vàng, số thuê bao: 0967385074, tạm giữ của Đặng Văn K.

* Tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Hữu T.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 83 ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa Công an tỉnh Thái Nguyên với Cục THADS tỉnh T; số tiền theo ủy nhiệm chi số 100/213 ngày 06/7/2023 của Kho bạc tỉnh Thái Nguyên).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu T và Đặng Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS vụ án, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Thuận